

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3080 /UBND-TH

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 10 năm 2020

V/v triển khai thực hiện
Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ

về phát triển bền vững

CỤC THI HÀNH AN DÂN SỰ
TỈNH TUYÊN QUANG

ĐẾN Số: 2275
Ngày: 05/10/20
Chuyên: Văn phòng
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về phát triển bền vững,

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Chủ động triển khai thực hiện các công việc theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020. Trong đó, tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

1.1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được giao trong Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

1.2. Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách để đề xuất điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới liên quan đến các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển bền vững. Lồng ghép tối đa việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các chính sách, chương trình hành động của tỉnh.

1.3. Tăng cường thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững; từng bước đưa nội dung giáo dục về phát triển bền vững vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho các sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện và giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững.

1.4. Phát huy vai trò và sự tham gia của các bên liên quan: Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ

chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và sự phối hợp giữa các Bộ, Ban, ngành trung ương và cơ quan cấp tỉnh trong triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

1.5. Bố trí, huy động và tăng cường nguồn lực tài chính, bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài (vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Kinh phí từ ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định ngân sách nhà nước hiện hành và được lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác có liên quan.

Xây dựng và ban hành Đề án huy động các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn từ khu vực kinh tế tư nhân để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

1.6. Bám sát hướng dẫn và chỉ đạo của các Bộ, ban, ngành Trung ương để triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo từng lĩnh vực.

1.7. Chậm nhất ngày 10 tháng 12 hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo tình hình thực hiện về phát triển bền vững.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tiếp tục thực hiện vai trò chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo quy định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất ngày 15 tháng 12 hằng năm.

3. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

Tăng cường vai trò giám sát thực hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Chú trọng phản biện các cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm các yêu cầu phát triển bền vững;

vận động, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tại các sở, ban, ngành, địa phương.

Tích cực huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức trong nước và quốc tế, các đối tác phát triển, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

4. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang:

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp hội viên tích cực hưởng ứng thực hiện thành công Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chương trình nghị sự 2030.

Chủ động phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam và các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế tiếp tục các hoạt động hỗ trợ, định hướng cộng đồng doanh nghiệp phát triển bền vững; đẩy mạnh các hoạt động, chương trình, dự án liên quan đến doanh nghiệp phát triển bền vững; tranh thủ hỗ trợ về nguồn lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

5. Yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc văn bản này, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo, giải quyết. Chủ động tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hth60).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Kim Dung

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển bền vững

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Trên cơ sở kết quả Hội nghị toàn quốc về phát triển bền vững ngày 12 tháng 9 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Thực hiện cam kết tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới năm 1992 ở Rio de Janeiro, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Định hướng Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) tại Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004. Phát triển bền vững trở thành quan điểm xuyên suốt trong chính sách của Đảng, Nhà nước và đã được lồng ghép trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2015 và 2016 - 2020. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012).

Tháng 9 năm 2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên hợp quốc về phát triển bền vững, các quốc gia trên thế giới đã thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với 17 mục tiêu về phát triển bền vững. Nhằm cụ thể hóa Chương trình nghị sự 2030 tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017), trong đó đã đề ra 17 mục tiêu phát triển bền vững với 115 mục tiêu cụ thể. Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 về lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.

Nhìn lại quá trình thực hiện phát triển bền vững trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được một số kết quả tích cực: (1) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân 1,53%/năm trong giai đoạn 2016 - 2019; (2) Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống giảm từ 22,1 năm 2015 xuống 21 năm 2019; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 76,4% năm 2015 lên 90% năm 2019; (3) Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,9% năm 2019; tỷ lệ học sinh

được công nhận hoàn thành chương trình tiêu học là 99,6% năm 2019; (4) Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội (nhiệm kỳ 2016 - 2021) là 26,7%; (5) Tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh năm 2018 đạt 95,7%; (6) Hơn 99% các hộ gia đình Việt Nam đã được tiếp cận với điện năm 2018; (7) Tỷ lệ dân số sử dụng Internet là 65,9% (tương đương khoảng 64 triệu người) năm 2019; (8) Tăng trưởng GDP giai đoạn 2016 - 2019 đạt ở mức tương đối cao, trung bình khoảng 6,8%/năm, mức tăng năng suất lao động giai đoạn 2016 - 2018 đạt gần 5,8%; (9) Các vấn đề về quản lý tài nguyên và môi trường cũng đã được cải thiện, độ che phủ rừng tăng, đạt 41,89% năm 2019; (10) Giảm bất bình đẳng trong xã hội, thúc đẩy tiếp cận pháp lý và thông tin ngày càng được cải thiện hơn; mức độ hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng và toàn diện, vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao.

Mặc dù vậy, quá trình phát triển bền vững của đất nước còn có những khó khăn, thách thức sau: Mô hình tăng trưởng vẫn chưa rõ nét, năng suất lao động tăng chủ yếu do tăng cường độ vốn, quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế; chênh lệch mức sống và mức độ thụ hưởng các dịch vụ xã hội của người dân giữa các vùng và giữa các địa phương trong vùng vẫn còn lớn; khoa học và công nghệ vẫn chưa trở thành động lực cốt lõi của phát triển bền vững, vẫn còn thiếu các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới và ứng dụng công nghệ; quy mô dân số vẫn tiếp tục gia tăng, cơ cấu dân số đã bước vào giai đoạn già hóa dân số, có sự khác biệt lớn về chỉ số sức khỏe giữa các vùng, miền, chất lượng dân số thấp, thể lực chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, bị hạn chế về chiều cao, cân nặng, sức bền; tình trạng ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp tại một số địa phương, đặc biệt là các vùng có mật độ phát triển công nghiệp cao, tình hình ô nhiễm môi trường ở một số nơi vẫn diễn biến phức tạp, xử lý vi phạm về môi trường còn nhiều bất cập; biến đổi khí hậu và thiên tai ảnh hưởng rất lớn đến các vùng miền, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trong khi đó, việc triển khai thực hiện phát triển bền vững tại các ngành và các cấp vẫn chưa thực sự nghiêm túc và quyết liệt; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và huy động sự tham gia của các bên liên quan chưa thực sự hiệu quả; nhu cầu tài chính cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 là rất lớn nhưng nguồn lực của quốc gia còn hạn chế.

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016 - 2020, tạo đà cho việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030. Năm 2020 cũng là năm chúng kiến đại dịch COVID-19 và tác động đa diện của nó trên toàn cầu, có nguy cơ gây ra khủng hoảng kinh tế, xã hội ở nhiều quốc gia, nhất là các nước đang phát triển và các nước chậm phát triển, làm tăng rủi ro không hoàn thành 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) vào năm 2030 ở nhiều nước. Đại dịch cũng là một cơ hội để chúng ta suy nghĩ lại về con đường tăng trưởng kinh tế và tầm quan trọng của phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ ban hành Nghị quyết để thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các ngành, các cấp và các địa phương từ nay đến năm 2030.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

2. Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương; của các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân. Huy động mọi nguồn lực xã hội; tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Con người là trung tâm của phát triển bền vững. Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững. Đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế để phát triển bền vững đất nước.

4. Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau. Không để ai bị bỏ lại phía sau, tiếp cận những đối tượng khó tiếp cận nhất trước, bao gồm trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, đồng bào vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng biên giới, hải đảo và những đối tượng dễ bị tổn thương khác.

5. Khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số quốc gia sẽ là nền tảng và động lực cho phát triển bền vững đất nước. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.

III. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát

triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, công bằng, dân chủ, văn minh và bền vững.

2. Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam

- Mục tiêu 1. Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi
- Mục tiêu 2. Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững
- Mục tiêu 3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi
- Mục tiêu 4. Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 5. Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái
- Mục tiêu 6. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 7. Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 8. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới
- Mục tiêu 10. Giảm bất bình đẳng trong xã hội
- Mục tiêu 11. Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng
- Mục tiêu 12. Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững
- Mục tiêu 13. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai
- Mục tiêu 14. Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững
- Mục tiêu 15. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất
- Mục tiêu 16. Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp
- Mục tiêu 17. Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

3. Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2020, 2025, 2030

a) Thực hiện theo Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 về lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030

b) Chỉ tiêu điều chỉnh so với Quyết định 681/QĐ-TTg

Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở: đạt 87% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

c) Chỉ tiêu bổ sung

- Tỷ lệ người dân sử dụng sản phẩm, thiết bị, giải pháp số: 80% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2030 đạt 100.000 doanh nghiệp công nghệ số.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

Các bộ, ngành và địa phương tiếp tục nghiêm túc triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được ban hành tại Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 và Kế hoạch hành động của bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình nghị sự 2030, tập trung vào những nội dung sau:

a) Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách theo hướng điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo khung pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển bền vững quốc gia. Lồng ghép tối đa việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các chính sách, chương trình hành động của bộ, ngành và địa phương.

b) Tăng cường thông tin, truyền thông

- Tăng cường thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững.

- Từng bước đưa nội dung giáo dục về phát triển bền vững vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện và giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững.

c) Phát huy vai trò và sự tham gia của các bên liên quan

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư, các đối tác phát triển trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Tăng cường vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc giám sát thực hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và sự phối hợp giữa cơ quan trung ương và cơ quan địa phương trong triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

d) Bố trí, huy động và tăng cường nguồn lực tài chính

- Nguồn kinh phí thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài, bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn khác.

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các bộ, cơ quan, tổ chức và các địa phương theo quy định ngân sách nhà nước hiện hành và được lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Tăng cường nguồn lực tài chính công thông qua việc nâng cao hiệu quả hệ thống, chính sách thuế; nâng cao hiệu quả chi tiêu công; đổi mới quản lý tài chính công theo hướng công khai, minh bạch. Huy động các nguồn lực xã hội khác, đặc biệt từ khu vực doanh nghiệp, khu vực tư nhân cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể để huy động các nguồn tài chính, đặc biệt là nguồn tài chính từ khu vực tư nhân để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ của quốc tế cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

đ) Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm và nâng cao năng lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; chủ động phối hợp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng như các thách thức đối với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu liên quan đến lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành

Trong giai đoạn 2020 - 2030, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên liên quan đến lĩnh vực quản lý, các bộ, ngành cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau để thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Phân tích, đánh giá, dự báo các diễn biến trong và ngoài nước và xây dựng, cập nhật các kịch bản để tham mưu kịp thời với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế.

- Cụ thể hóa các giải pháp nhằm tạo chuyên biến rõ nét hơn nữa trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Rà soát, giám sát, đánh giá hiệu quả và tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tăng năng suất, nâng cao năng lực quản trị và hội nhập quốc tế. Chủ trì theo dõi, khảo sát đánh giá và tổng hợp hàng năm về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, sửa đổi quy định của pháp luật về đấu thầu để áp dụng ưu đãi khi mua sắm xanh và lồng ghép các tiêu chí xanh trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình kinh doanh bền vững, công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

b) Bộ Tài chính

Thực hiện lộ trình xóa bỏ trợ cấp đối với nhiên liệu hóa thạch đi đôi với việc rà soát, sửa đổi các loại thuế liên quan (như thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên v.v...).

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội, đặc biệt là người khuyết tật, người dân vùng bị thiệt hại bởi thiên tai, dịch bệnh; có giải pháp hiệu quả ứng phó với vấn đề già hóa dân số; nâng cao chất lượng cuộc sống và phát huy vai trò của người cao tuổi.

- Nghiên cứu, nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội; xây dựng và trình ban hành chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ hộ

nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng dễ bị tổn thương khác nhằm tăng cường việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý phát triển nghề công tác xã hội. Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật và hoàn thiện khung pháp lý về an sinh xã hội theo hướng tích hợp các luật hiện hành có liên quan.

- Xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, trong đó chú ý nhóm 40% dân số nghèo nhất, chú trọng các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm bền vững, tiếp cận tín dụng ưu đãi và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các giải pháp đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường gắn kết và huy động doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

- Thực hiện tốt chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ, phát triển đối tượng tham gia và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, đảm bảo thực chất, hiệu quả. Đẩy mạnh, đa dạng hóa các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các chính sách an sinh xã hội và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội. Đổi mới công tác chi trả an sinh xã hội theo hướng không dùng tiền mặt.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Giám sát hiệu quả việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo đảm chất lượng nguồn nước sinh hoạt và cấp đủ cho nhân dân; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước; thúc đẩy cơ chế chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.

- rà soát khuôn khổ pháp lý về quản lý hoạt động xả thải, đặc biệt đối với hoạt động xả thải hóa chất độc hại ra môi trường để ban hành quy định pháp luật đầy đủ, phù hợp nhằm đảm bảo phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các hành vi gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải, nhất là nước thải và rác thải làng nghề, rác thải sinh hoạt nông thôn và việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

- Ban hành các cơ chế chính sách về phân loại rác thải tại nguồn; xây dựng và triển khai nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom và xử lý chất thải; giảm thiểu rác thải nhựa, tăng cường hợp tác quốc tế trong giải quyết các vấn đề rác thải nhựa đại dương. Hoàn thành xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy

chuẩn kỹ thuật về môi trường tương đương với các nước tiên tiến trên thế giới để đảm bảo yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Quan trắc thường xuyên mức độ tác động của các nguồn gây ô nhiễm biển từ đất liền, đặc biệt là từ các lưu vực sông, từ các vùng canh tác nông nghiệp ven biển sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật. Kiểm soát, ngăn chặn hoàn toàn việc đổ chất thải nguy hại xuống biển dưới mọi hình thức.

- Thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường năng lực thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Tăng cường năng lực và làm tốt công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đảm bảo cảnh báo sớm và đủ độ chi tiết đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan.

đ) Bộ Y tế

- Thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân nhằm bảo đảm tăng đáng kể khả năng tiếp cận của người dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả.

- Chú trọng công tác dự phòng, phát hiện sớm bệnh tật, điều trị kịp thời, quan tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao tầm vóc, thể lực, tuổi thọ và số năm sống khỏe của người Việt Nam.

- Hoàn thiện mạng lưới cơ sở y tế để đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và cuộc cách mạng 4.0 trong lĩnh vực y tế.

e) Bộ Công Thương

- Thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển nguồn điện, lưới điện truyền tải; kịp thời khai thác, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, gắn với bảo đảm môi trường, nhất là đối với điện mặt trời. Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho năng lượng tái tạo.

- Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo để cấp cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng cơ chế quản lý để duy trì và phát triển các nguồn điện ở những khu vực này.

- Chủ trì, tổ chức thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 (ban hành tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ). Hoàn thiện chính sách về sản xuất và tiêu dùng bền vững; thúc đẩy xanh hóa hệ thống phân phối và phát triển chuỗi cung ứng quốc gia sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường, ưu tiên các sản phẩm do doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất, cung ứng; thúc đẩy phát triển công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế chất thải.

g) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng, đổi mới cơ chế chính sách và phát triển hệ thống thông tin nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm trong nước cả về số lượng và chất lượng.

- Thúc đẩy cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ và tạo động lực cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả cao.

- Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá. Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp để định hướng khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản một cách bền vững. Đổi mới xây dựng các hợp tác xã và liên minh hợp tác xã nghề cá theo hướng thật sự vì lợi ích của ngư dân, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, gắn kết cộng đồng, phát triển và ổn định xã hội vùng biển và hải đảo.

- Bảo vệ môi trường, phát triển chăn nuôi theo hướng sinh học, an toàn. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đối với diện tích rừng hiện có. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi trường rừng; quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ gỗ rừng trồng theo tiêu chuẩn Việt Nam và thông lệ quốc tế.

h) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Huy động và có cơ chế hiệu quả hỗ trợ người dân đưa con trong độ tuổi đến trường, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ theo địa bàn, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

- Tăng cường đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất để hỗ trợ phát triển giáo dục đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội; tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống trường lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của vùng dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu, miền núi, hải đảo. Tham mưu Chính phủ xây dựng và thực hiện lộ trình phù hợp chính sách miễn học phí cho giáo dục mầm non 5 tuổi và giáo dục trung học cơ sở.

- Khuyến khích xã hội hóa giáo dục phù hợp với vùng kinh tế - xã hội khó khăn, nhằm huy động các nguồn lực xã hội tham gia và giáo dục trẻ em gái, trẻ khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương.

i) Bộ Giao thông vận tải

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác tái cơ cấu thị trường vận tải một cách hợp lý, sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác của hệ thống giao thông vận tải và thúc đẩy vận tải hàng hóa từ đường bộ sang các phương thức vận tải khác nhằm giảm áp lực cho vận tải đường bộ, bảo đảm tiết kiệm nhiên liệu hơn, có mức phát thải thấp hơn (đường thủy và đường sắt).

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại các đô thị; đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào khai thác các tuyến xe buýt nhanh, đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xây dựng, ban hành và áp dụng mức tiêu thụ nhiên liệu cho một số loại phương tiện phù hợp với điều kiện thực tế. Đẩy mạnh sử dụng nhiên liệu sinh học, nhiên liệu sạch (CNG, LPG, ...) đối với phương tiện giao thông cơ giới.

- Thực hiện đề án phát triển dịch vụ logistics nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí vận tải, giảm tiêu hao nhiên liệu; phát triển hoạt động của các sàn giao dịch vận tải nhằm kết nối mạng lưới vận tải; tiếp cận, ứng dụng công nghệ giao thông thông minh, công nghệ vận tải xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong lưu thông và vận chuyển hàng hóa.

- Đầu tư phát triển hệ thống giao thông có chú ý đến điều kiện của người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em; thực hiện chính sách miễn giảm giá vé, giá dịch vụ giao thông công cộng đối với người khuyết tật, trẻ em theo quy định.

k) Bộ Xây dựng

- Nghiên cứu các cơ chế, chính sách để phát huy vai trò đô thị lớn, thu hút các nguồn lực cho phát triển đô thị, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện thực tế của từng vùng và từng đô thị.

- Hoàn thiện thể chế pháp luật về hạ tầng kỹ thuật (Luật Cấp nước, Luật Thoát nước và xử lý nước thải, phương pháp xác định giá nước sạch...); phát triển hạ tầng đồng bộ theo lộ trình phù hợp với phát triển đô thị và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của từng vùng, từng địa phương và quốc gia. Bảo đảm cấp nước an toàn cho người dân, vệ sinh môi trường đô thị, thúc đẩy sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý và tái sử dụng nước hiệu quả.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, giải pháp để thúc đẩy các Chương trình phát triển nhà ở xã hội, giải quyết về chỗ ở cho các hộ gia đình nghèo, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân khu công nghiệp và các đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi để huy động đầu tư vào nhà ở cho người thu nhập thấp và thu nhập trung bình, xóa bỏ các nhà đơn sơ, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng.

- Nghiên cứu các giải pháp phát triển đô thị xanh, giải pháp tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở, công sở, dịch vụ; giải pháp khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng mới tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

l) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Nghiên cứu các chính sách, biện pháp cụ thể, thiết thực và phù hợp hơn nữa đối với việc phát triển văn hóa, xây dựng con người hài hòa với phát triển kinh tế.

- Phát huy giá trị di sản văn hóa, nghệ thuật, từng bước tạo dựng hình ảnh và thương hiệu quốc gia.

- Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, nhằm vào thị trường mục tiêu, lấy sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch là trọng tâm; quảng bá du lịch gắn với quảng bá hình ảnh quốc gia.

m) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan quản lý báo chí thông tin, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử, thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết và các nội dung liên quan khác nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (ban hành tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ) nhằm mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng kinh tế mới, bảo đảm phát triển bền vững.

- Thúc đẩy phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, phổ cập điện thoại thông minh đặc biệt tới các vùng công ích, hướng tới mục tiêu đảm bảo kết nối toàn diện, không bỏ lại ai phía sau; xây dựng viễn thông là hạ tầng số thiết yếu cho phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ chuyển đổi số quốc gia toàn diện.

- Xây dựng khung pháp lý cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, thí điểm mô hình kinh doanh công nghệ mới ở Việt Nam để khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sản phẩm và giải pháp số trong các lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế.

- Nâng cao năng lực, tăng cường đào tạo kỹ thuật số cho người dân, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa nhằm thực hiện mục tiêu thu hẹp khoảng cách số, giảm bất bình đẳng trong xã hội.

- Tập trung phát triển hạ tầng thông tin truyền thông cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Thực hiện tốt việc bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

n) Bộ Tư pháp

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới quy trình xây dựng pháp luật để nâng cao chất lượng xây dựng, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm nâng cao nhận thức người dân về nhà nước pháp quyền và quyền tiếp cận công lý bình đẳng; nghiên cứu giải pháp tăng cường thực thi pháp luật, không phân biệt đối xử vì sự phát triển bền vững.

- Rà soát, kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của mọi người dân, nhất là đối tượng nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương, đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác theo quy định của Hiến pháp.

- Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả, ổn định, dễ tiếp cận và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp; tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân.

- Tăng cường, tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, giám sát thực thi chính sách; tăng cường phản biện xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

o) Bộ Công an

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông đi đôi với xử lý vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, xây dựng ý thức tự giác chấp hành luật của người tham gia giao thông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả và trách nhiệm của lực lượng thực thi pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật hiện hành liên quan quy định về xuất nhập cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo hướng cải cách hơn nữa thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và theo dõi cư trú.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bạo lực. Đẩy mạnh việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tội phạm; phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực và xâm hại trẻ em; phòng, chống tội phạm mua bán người.

p) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực hấp thụ và phát triển công nghệ; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó có mô hình đối tác công tư.

- Ban hành hệ thống tiêu chuẩn quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động ứng dụng và phát triển các công nghệ cao, công nghệ chủ chốt, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

q) Bộ Nội vụ

Tiếp tục tham mưu đẩy mạnh cải cách hành chính. Nghiên cứu, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công đối với những đối tượng khó khăn, đặc thù.

r) Bộ Ngoại giao

- Tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, tăng cường tin cậy và đan xen lợi ích, nhất là với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và đối tác quan trọng, các đối tác có thể mạnh về các vấn đề phát triển bền vững. Chủ động tham gia, đóng góp có trách nhiệm, phát huy vai trò và tranh thủ hợp tác trong các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững tại các tổ chức, diễn đàn đa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, góp phần tích cực vào thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký, các cam kết, thỏa thuận quốc tế về phát triển bền vững mà Việt Nam đã tham gia, thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư, công nghệ, du lịch phục vụ phát triển bền vững.

s) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Tiếp tục ưu tiên, mở rộng mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch của tổ chức tín dụng tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; phát triển mạnh các kênh phân phối điện tử để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng.

- Tăng cường khả năng cung ứng các dịch vụ tín dụng xanh, ngân hàng xanh.

t) Thanh tra Chính phủ

- Tăng cường phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí.

- Tham mưu, giúp Chính phủ sửa đổi Luật Thanh tra năm 2010 nhằm từng bước khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của ngành Thanh tra.

- Đến năm 2030, xây dựng hệ thống thanh tra tập trung thống nhất và tăng thẩm quyền thanh tra để phát huy vai trò và tạo sự chủ động cho thanh tra trong quản lý nhà nước, phòng chống tham nhũng.

u) Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam

Tăng cường sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đoàn thể nhân dân và cộng đồng về thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật.

v) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

- Tiếp tục các hoạt động hỗ trợ, định hướng cộng đồng doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh các hoạt động, chương trình, dự án liên quan đến doanh nghiệp phát triển bền vững: kinh tế tuần hoàn, kinh doanh liêm chính, thúc đẩy hợp tác công tư... và tích cực chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất và xây dựng các sáng kiến/mô hình kinh doanh bền vững tại Việt Nam.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá doanh nghiệp phát triển bền vững dựa trên bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) theo thông lệ quốc tế; công bố thường niên bảng xếp hạng CSI của các doanh nghiệp trên truyền thông đại chúng và nhân rộng áp dụng trong cộng đồng doanh nghiệp.

x) Ủy ban An toàn giao thông quốc gia

Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông đã được xác định trong Chiến lược Quốc gia về an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược Quốc gia về an toàn giao thông đường bộ trong thời gian tới nhằm kiểm chế, từng bước kéo giảm số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông trên toàn quốc.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm thực hiện

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về việc tổ chức triển khai hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết để thúc đẩy việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững được xác định trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030.

b) Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh tham mưu, tư vấn giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và các mục tiêu phát triển bền vững; đề xuất các biện pháp, giải pháp, cơ chế nhằm đảm bảo phối hợp các hoạt động của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và người dân để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Giám sát - Đánh giá - Báo cáo

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

- Chủ trì theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trình Chính phủ, Quốc hội và gửi Liên hợp quốc theo yêu cầu.

- Đến năm 2025, thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2021 - 2030 tình hình triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đến năm 2030, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình nghị sự 2030 kết hợp với đánh giá kết quả thực hiện Báo cáo Việt Nam 2035 và chuẩn bị xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ tiếp theo.

b) Các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo quy định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên theo dõi, giám sát thực hiện, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, báo cáo Chính phủ xem xét.

d) Việc xây dựng các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững cần huy động sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, đoàn thể nhân dân và các tổ chức trong nước và quốc tế.

3. Kinh phí thực hiện

a) Nhà nước ưu tiên và dành kinh phí thỏa đáng từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các bộ, ngành và địa phương để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và hỗ trợ việc tổ chức thu thập số liệu, xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

b) Căn cứ đề xuất của bộ, ngành và địa phương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững và hỗ trợ việc tổ chức thu thập số liệu, xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

c) Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, các bộ, ngành và địa phương chủ động huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt là nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển, các nhà tài trợ quốc tế để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; khuyến khích doanh nghiệp, các tổ chức xã hội chủ động đề xuất, thực hiện các sáng kiến nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững.

4. Đề nghị Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban An toàn giao thông quốc gia;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Thành viên Hội đồng QG phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (2). 433

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc

